

Bản án số 347/2024/HC-PT
Ngày 25 - 4 - 2024
V/v “Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai, vụ án thụ lý số: 1137/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2023 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 731/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Cư trú: Số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

+ Ông Trần Văn B, sinh năm 1969 (có mặt);

Cư trú: Số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

+ Ông Thi Tấn S, sinh năm 1956 (có mặt);

Cư trú: Số C, đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Người bị kiện:

1. Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ;
2. Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ;

Trụ sở: Số 56, đường Nguyễn Thái Học, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Hoài N – Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng T – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trần Quang D; Cư trú: Số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt);

+ Ông Lê Minh H; Cư trú: Số A, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3. Cục trưởng Cục Thuế thành phố C

Trụ sở nơi làm việc: Số C, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cáp Quý P – Cục trưởng Cục Thuế thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn P1 – Phó Cục trưởng Cục Thuế thành phố C (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn S1, sinh năm 1970; cư trú tổ C, khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Thu V là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần trình bày của người khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình tố tụng như sau:

Cha mẹ của người khởi kiện là cụ ông Nguyễn Văn T1 và cụ bà Thái Thị Á có quyền sử dụng nhà, đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 20, diện tích 341,94m² theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683 do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999.

Khi cụ ông Nguyễn Văn T1 chết, ngày 19 tháng 5 năm 2005, cụ bà Thái Thị Á được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác nhận là người sở hữu duy nhất theo chứng thư khai nhận di sản thừa kế theo pháp luật (số công chứng 48, quyển số 01/2005/TP/CC-HĐGD được Phòng C – thành phố Cần Thơ lập ngày 21 tháng 02 năm 2005).

Sau khi cụ bà Thái Thị Á chết, các con của cụ ông Nguyễn Văn T1 và cụ bà Thái Thị Á gồm bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1967), ông Nguyễn Minh H1 (sinh năm 1969), bà Nguyễn Thị Thu H2 (sinh năm 1972), ông Nguyễn Minh H3 (sinh năm 1974) là đồng sở hữu quyền sử dụng nhà, đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 20, diện tích 341,94m² theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683 do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999 – vị trí nhà, đất tại số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Sau đó, những người đồng sở hữu đã làm thủ tục đăng ký biến động đất đai, cấp đổi lại thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ.

Tuy nhiên, khi làm các thủ tục này, Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ lại buộc người khởi kiện phải nộp thuế tiền sử dụng đất cho phần diện tích tăng thêm 8,06m² với số tiền là 210.607.800 đồng (hai trăm mười triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn tám trăm đồng).

Người khởi kiện cho rằng thửa đất số 230 không bị thay đổi về ranh giới từ cận so với thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683 nên việc thu thêm thuế phần diện tích tăng thêm là không đúng quy định pháp luật.

Nay, người khởi kiện yêu cầu:

Một là, hủy Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0007007/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về lệ phí trước bạ nhà, đất; Thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2281519-TK0007009/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về tiền sử dụng đất; Thông báo số LTB2281519-TK0007183/TB-CCT ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về tiền sử dụng đất (bổ sung thông báo ngày 20 tháng 5 năm 2022).

Hai là, hủy Quyết định số 1772/QĐ-CCT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn B – người được bà Nguyễn Thị Thu V ủy quyền.

Ba là, buộc Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ thực hiện hành vi trả lại cho người khởi kiện số tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất phần diện tích tăng thêm 8,06m² đã nộp.

Bốn là, hủy Quyết định số 1028/QĐ-CTCTH ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố C về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn B – người được bà Nguyễn Thị Thu V ủy quyền.

Phần trình bày của người bị kiện:

- Phần trình bày của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ:

Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ căn cứ vào Phiếu chuyển thông tin địa chính số 73/6/PC-CNVPĐKĐĐQNK ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ; thông tin về nhà đất được thừa kế tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 20, vị trí thửa đất tại số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, loại đất ở tại đô thị, diện tích 341,94m² gửi để xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất Nguyễn Thị Thu V.

Từ Phiếu chuyển thông tin địa chính số 73/6/PC-CNVPĐKĐĐQNK ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ, Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ ban hành 02 (hai) Thông báo nộp tiền với số thuế phải nộp là không đồng. Lý do là cá nhân chuyển nhượng bất động sản được miễn thuế do nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản như sau:

+ Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0006965/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về lệ phí trước bạ nhà, đất.

+ Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0006966/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản.

Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ căn cứ vào Phiếu chuyển thông tin địa chính số 73/6/PC-CNVPĐKĐĐQNK ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ để xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất Nguyễn Thị Thu V; thông tin về nhà đất chỉnh lý biến động tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 20, vị trí thửa đất tại số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, loại đất ở tại đô thị, diện tích 8,06m².

Từ Phiếu chuyển thông tin địa chính số 73/6/PC-CNVPĐKĐĐQNK ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ, Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ ban hành 03 (ba) thông báo nộp tiền:

+ Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0007007/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về lệ phí trước bạ nhà, đất với số tiền phải nộp là 1.047.800 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu V đã nộp tiền theo giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước theo phiếu thu số 3613472 ngày 23 tháng 5 năm 2022.

+ Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0007009/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về tiền sử dụng đất với số tiền phải nộp là 104.780.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu V đã nộp tiền theo giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước theo phiếu thu số 3613472 ngày 23 tháng 5 năm 2022.

+ Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0007183/TB-CCT ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thuế quận N, thành phố Cần Thơ (thông báo này bổ sung thông báo ngày 20 tháng 5 năm 2022) về tiền sử dụng đất với số tiền phải nộp là 209.560.000 đồng; đã nộp 104.780.000, phải nộp bổ sung 104.780.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu V đã nộp tiền theo giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước số 3704302 ngày 26 tháng 5 năm 2022.

Căn cứ theo Giấy xác nhận số 2037/XN.ĐĐ94 ngày 12 tháng 7 năm 1994 của Chi cục Quản lý đất đai tỉnh C xác nhận ông Nguyễn Văn T1 có quyền sử dụng chính thức 350m² đất thổ cư tại địa chỉ số B, đường N, phường A, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ - nay là số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Theo đó, L đồ giải thửa tỷ lệ 1:500 của Chi cục Quản lý đất đai tỉnh C thì thửa đất của ông Nguyễn Văn T1 có số đo các cạnh như sau: mặt tiền (ngang trước) là 8,4m, mặt hậu (ngang sau) là 08m, chiều dài 02 cạnh (hai bên) là 42,7m.

Ngày 23 tháng 12 năm 1999, ông Nguyễn Văn T1 và bà Thái Thị Á được Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683; hồ sơ gốc số 83/99 tại địa chỉ số B, đường N, phường A, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ với diện tích đất ở là 341,94m² có số đo các cạnh như sau: mặt tiền (ngang trước) là 8,4m, mặt hậu (ngang sau) là 08m, chiều dài 02 cạnh (hai bên) là 41,7m.

Phần diện tích đất tăng thêm 8,06m² có được là do tăng thêm 0,4m mặt hậu dựa vào Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 17 tháng 02 năm 2022 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ thực hiện.

Như vậy, phần diện tích đất tăng thêm 8,06m² là đất ở, không thuộc diện được miễn tiền sử dụng đất, không nằm trong nguồn gốc đất có diện tích 350m² do Chi cục Quản lý đất đai tỉnh C xác nhận, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683 nên phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo quy định.

- Phần trình bày của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ:

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, ông Trần Văn B – là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu V có nộp đơn khiếu nại về việc thu tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ nhà, đất và chứng minh bà Thái Thị Á với bà Trần Thị Đ có mối quan hệ mẹ đẻ, con đẻ.

Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ có tổ chức đối thoại giữa người khiếu nại và người bị khiếu nại.

Kết luận phần diện tích đất tăng thêm 8,06m² do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ chuyển đến Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ để làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người được thừa kế quyền sử dụng đất theo hồ sơ chính lý biến động. Diện tích này không

nằm trong nguồn gốc đất có diện tích 350m^2 do Chi cục Quản lý đất đai tỉnh C xác nhận có mặt tiền (ngang) là 8,4m, mặt hậu (ngang) là 8m, chiều dài (hai bên) là 42,7m; không nằm trong diện tích được cấp quyền sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683 có mặt tiền (ngang) là 8,4m, mặt hậu (ngang) là 8m, chiều dài (hai bên) là 41,7m.

Phần diện tích đất tăng thêm $8,06\text{m}^2$ có được là do tăng thêm 0,4m nở hậu dựa vào Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 17 tháng 02 năm 2022; Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 11 tháng 3 năm 2022; Mảnh trích đo địa chính số 38-2022 tại phường A của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ.

Như vậy, để được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tăng thêm này thì bà Nguyễn Thị Thu V phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo quy định. Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1772/QĐ-CCT ngày 19 tháng 8 năm 2022 có quyết định không công nhận nội dung khiếu nại theo Đơn khiếu nại đề ngày 29 tháng 7 năm 2022 của ông Trần Văn B – là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu V.

- Phần trình bày của Cục trưởng Cục Thuế thành phố C:

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, Cục Thuế thành phố C nhận được đơn khiếu nại lần hai của ông Trần Văn B – người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu V.

Căn cứ vào hồ sơ do Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ cung cấp về việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất Nguyễn Thị Thu V do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ gửi Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ; hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ và các tài liệu liên quan.

Phần diện tích đất tăng thêm $8,06\text{m}^2$ là do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ chuyển đến Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ để xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất là hồ sơ chỉnh lý biến động. Diện tích này không nằm trong nguồn gốc đất diện tích 350m^2 do Chi cục Quản lý đất đai tỉnh C xác nhận có mặt tiền (ngang) là 8,4m, mặt hậu (ngang) là 8m, chiều dài (hai bên) là 42,7m và không nằm trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683 diện tích $341,94\text{m}^2$ do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp có mặt tiền ngang là 8,4m, mặt hậu (ngang) là 8m, chiều dài (hai bên) là 41,7m.

Như vậy, việc Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ đã ban hành 03 (ba) thông báo nộp tiền sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ đất của phần diện tích đất tăng thêm $8,06\text{m}^2$ tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 20, vị trí thửa đất tại số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, loại đất ở đô thị đối với người sử dụng đất với số tiền phải nộp là 210.607.800 đồng là đúng theo quy định.

Căn cứ Điều 4, Điều 6, Điều 12 của Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT.BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ T2 và Bộ T3, căn cứ Điều 7 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 quy định về lệ phí trước bạ, căn cứ khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ T2, Cục trưởng Cục Thuế thành phố C ban hành Quyết định số 1028/QĐ-CTCTH ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn B – người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu V về việc hủy Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0007007/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về lệ phí trước bạ nhà, đất; Thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2281519-TK0007009/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về tiền sử dụng đất; Thông báo số LTB2281519-TK0007183/TB-CCT ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về tiền sử dụng đất (bổ sung thông báo ngày 20 tháng 5 năm 2022); hủy Quyết định số 1772/QĐ-CCT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn B – người được bà Nguyễn Thị Thu V ủy quyền; buộc Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ thực hiện hành vi trả lại cho người khởi kiện số tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất phần diện tích tăng thêm 8,06m² đã nộp; hủy Quyết định số 1028/QĐ-CTCTH ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố C về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn B – người được bà Nguyễn Thị Thu V ủy quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/9/2023 bà Nguyễn Thị Thu V có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn B và ông Thi Tấn S đại diện cho bà Nguyễn Thị Thu V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Trần Văn B và ông Thi Tấn S thống nhất ý kiến cử ông Thi Tấn S trình bày: Phải áp dụng quy định tại đoạn 1 khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 là có sự chênh lệch diện tích, ranh giới thửa đất không thay đổi, không tranh chấp với ai thì việc cấp, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích xác định theo số liệu thực tế, không nộp thuế đối với diện tích nhiều hơn nếu có. Ông T1 bà Á sử dụng liên tục cho đến khi chết, cho người thừa kế. Chứng cứ chứng minh là không có tranh chấp, không có biến động, tình tiết

không phải chứng minh được thể hiện bản mô tả mốc giới ngày 17/02/2022; mảnh trích đo địa chính; biên bản niêm yết, Công văn số 928 của Chi Cục thuế quận N phần diện tích bà V sử dụng từ năm 1994 đến nay sử dụng từ trước thời điểm cấp giấy và người chết để lại; Công văn số 7979 của Chi Cục thuế quận N đã xác minh và UBND xã N xác nhận ranh giới thửa đất không có biến động từ trước đến năm 1994. Phải áp dụng quy định tại đoạn 1 khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013, khoản 3 Điều 1 Nghị định 45/CP về thu tiền sử dụng đất, Điều 16 Nghị định 10 về lệ phí trước bạ thì diện tích 8,06m² được miễn thu tiền nộp thuế trước bạ. Án sơ thẩm không áp dụng pháp luật đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện, sửa án sơ thẩm, công khai án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Ông Trần Quang D trình bày: Căn cứ phiếu chuyển, mảnh đất 293, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, Chi cục Quản lý đất đai tỉnh C xác định diện tích 350m² đất có số đo các cạnh như sau: mặt tiền (ngang trước) là 8,4m, mặt hậu (ngang sau) là 08m, chiều dài 02 cạnh (hai bên) là 42,7m. Năm 1999 ông Nguyễn Văn T1 và bà Thái Thị Á có quyền sử dụng nhà, đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 20, diện tích 341,94m², có mặt tiền ngang là 8,4m, mặt hậu (ngang) là 8m, chiều dài (hai bên) là 41,7m. Diện tích tăng thêm 8,06m² không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phải áp dụng Điều 100, 101 Luật Đất đai và Điều 7 Nghị định 45 để thu tiền đối với diện tích 8,06m².

Ông Nguyễn Tấn S1 trình bày: Khi có khiếu nại, Cục thuế đã thụ lý hồ sơ, tiến hành xác minh, xem xét khách quan. Căn cứ Điều 7 Nghị định 45/CP, Điều 3 lệ phí trước bạ, Nghị định 88 của Bộ T2, Bộ T3, Quyết định giải quyết khiếu nại đúng quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà V

Biên bản thẩm tra xác minh của Chi cục Quản lý đất đai tỉnh C ông T1, bà Á sử dụng diện tích 350m² đất có số đo các cạnh như sau: Mặt tiền (ngang trước) là 8,4m, mặt hậu (ngang sau) là 08m, chiều dài 02 cạnh (hai bên) là 42,7m. Năm 1999, ông Nguyễn Văn T1 và bà Thái Thị Á có quyền sử dụng nhà, đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 20, diện tích 341,94m², có mặt tiền ngang là 8,4m, mặt hậu (ngang) là 8m, chiều dài (hai bên) là 41,7m. Chiều dài thửa đất giảm nhưng gia đình không khiếu nại, khởi kiện. Năm 2012 có xác minh bà V và các chủ sử dụng đất liền kề thì diện tích 350m² có mặt tiền ngang là 8,4m, mặt hậu (ngang) là 8,4m, chiều dài (hai bên) là 41,7m. Diện tích tăng thêm 8,06m² là do diện tích sau tăng 0,4m, không phải chiều dài 2 cạnh bên. Chi Cục thuế xác định diện tích tăng thêm 8,06m² phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ. Căn cứ Điều 7 Nghị định 45/CP, diện tích tăng thêm 8,06m² chưa được cấp

giấy, sử dụng từ năm 1993 đến nay phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ. Đại diện của bà V không cung cấp chứng cứ gì làm thay đổi nội dung vụ án, kháng cáo không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 11 tháng 11 năm 2022 bà V khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1772/QĐ-CCT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn B – là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu V và ngày 03 tháng 02 năm 2023 bà V khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1028/ QĐ-CTCTH ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố C về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn B – là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu V.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của bà V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định: đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Sau khi nhận thừa kế là quyền sử dụng đất của cha mẹ là ông Nguyễn Văn T1 và bà Thái Thị Á để lại tại số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683, thửa đất số 230, tờ bản đồ số 20, diện tích 341,94m².

Quá trình thực hiện lập thủ tục giấy tờ, hồ sơ đăng ký biến động đất đai, cấp đổi lại giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ chấp thuận cho đăng ký biến động và cấp đổi lại giấy chứng nhận. Qua đo đạc thực tế thì diện tích thực tế chênh lệch hơn diện tích theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683 là 8,06m².

[2.2.2] Theo Giấy xác nhận số 2037/XN.ĐĐ94 ngày 12 tháng 7 năm 1994 của Chi cục Quản lý đất đai tỉnh C xác nhận ông Nguyễn Văn T1 có quyền sử dụng chính thức 350m² đất thổ cư tại địa chỉ số B, đường N, phường A, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ - nay là số B, đường N, phường A, quận N, thành

phố Cần Thơ. Theo đó, L đồ giải thửa tỷ lệ 1:500 của Chi cục Quản lý đất đai tỉnh C thì thửa đất của ông Nguyễn Văn T1 có số đo các cạnh như sau: mặt tiền (ngang trước) là 8,4m, mặt hậu (ngang sau) là 08m, chiều dài 02 cạnh (hai bên) là 42,7m.

Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683 do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999 thì cụ ông Nguyễn Văn T1 và cụ bà Thái Thị Á có quyền sử dụng nhà, đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 20, diện tích 341,94m², có mặt tiền ngang là 8,4m, mặt hậu (ngang) là 8m, chiều dài (hai bên) là 41,7m.

Theo Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất số 230, tờ bản đồ số 20 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ lập ngày 17 tháng 02 năm 2022 cho thấy phần ranh giới giáp ranh với hộ ông Đào Đức H4 có sự chuyển dịch tăng là 0,4m, diện tích tăng thêm là loại đất trồng cây lâu năm. Trong biên bản xác định ranh giới của thửa đất tại số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, ông Đào Đức H4 có ghi ý kiến của mình như sau: “Tôi đồng ý phân chia lại phần giáp ranh với gia đình bà Nguyễn Thị Thu V”. Từ bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và biên bản xác định ranh giới cho ra kết quả Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 230 có diện tích là 350m², loại đất ở tại đô thị (ODT), có mặt tiền ngang là 8,4m, mặt hậu (ngang) là 8,4m, chiều dài (hai bên) là 41,7m.

Đối chiếu các quá trình sử dụng đất thì thửa đất số 230 đã có sự thay đổi ranh giới so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401050683, có sự thỏa thuận ranh giới với người sử dụng đất liền kề nên phải nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích chênh lệch là 8,06m².

[2.2.3] Sau khi nhận được hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính số 73/6/PC-CNVPĐKĐĐQNK ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N, thành phố Cần Thơ, Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ ban hành 03 (ba) thông báo nộp tiền:

Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0007007/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về lệ phí trước bạ nhà, đất với số tiền phải nộp là 1.047.800 đồng.

Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0007009/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về tiền sử dụng đất với số tiền phải nộp là 104.780.000 đồng.

Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0007183/TB-CCT ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thuế quận N, thành phố Cần Thơ (thông báo này bổ sung thông báo ngày 20 tháng 5 năm 2022) về tiền sử dụng đất với số tiền phải nộp là 209.560.000 đồng; đã nộp 104.780.000, phải nộp bổ sung 104.780.000 đồng.

Phần diện tích đất tăng thêm 8,06m² thì người khởi kiện phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15

tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo quy định.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Bà V kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà V phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu V. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu V về việc hủy Thông báo nộp tiền số LTB2281519-TK0007007/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về lệ phí trước bạ nhà, đất; Thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2281519-TK0007009/TB-CCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về tiền sử dụng đất; Thông báo số LTB2281519-TK0007183/TB-CCT ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về tiền sử dụng đất (bổ sung thông báo ngày 20 tháng 5 năm 2022); hủy Quyết định số 1772/QĐ-CCT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn B – người được bà Nguyễn Thị Thu V ủy quyền; buộc Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận N, thành phố Cần Thơ thực hiện hành vi trả lại cho người khởi kiện số tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất phần diện tích tăng thêm 8,06m² đã nộp; hủy Quyết định số 1028/QĐ-CTCTH ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố C về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn B – người được bà Nguyễn Thị Thu V ủy quyền.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà V phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000374 ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà V phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001920 ngày 18/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương